SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Số: 06 /KSBT-NS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Kết quả giám sát ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên cơ sở cấp nước: Cơ sở cấp nước xã Minh Tân
- Địa chỉ: Thôn Nguyệt Giám – Xã Minh Tân – Kiến Xương - Thái Bình
- Đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần Bitexco Nam Long.
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Hồng.

II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Thực hiện kế hoạch ngoại kiểm năm 2023, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã thực hiện hoạt động giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) 03 mẫu nước của Cơ sở cấp nước xã Minh Tân, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Đoàn Văn Dương – Thôn Nguyệt Giám – Minh Tân – Kiến Xương - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Ngô Văn Liên – Thôn Tân Ấp 2 – Minh Tân - Kiến Xương- Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

2. Kết quả thử nghiệm *(Kết quả số: 1915/2023KQTN-XN ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):*

a) Về chỉ tiêu hóa, lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 2,0[(a)]	< 2,0[(a)]	< 2,0[(a)]	**15**
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi, vị lạ	**Không có mùi vị lạ**
3.	Độ đục	TCVN 12402-2:2022	NTU	**7,4**	**9,71**	**12,4**	**2**
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,4	7,21	7,32	**Trong khoảng 6,0-8,5**
5.	Hàm lượng Asen (As)(*)	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,65x10[-3(b)]	<0,65x10[-3(b)]	<0,65x10[-3(b)]	**0,01**
6.	Hàm lượng Clo	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,87	0,84	0,71	**Trong**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
	dư (*)						khoảng 0,2-1,0
7.	Hàm lương Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,03(a)	<0,03(a)	<0,03(a)	0,3
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<2,0x10-3(b)	<2,0x10-3(b)	<2,0x10-3(b)	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,15(b)	<0,15(b)	<0,15(b)	0,7
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,33x10-3(b)	<0,33x10-3(b)	<0,33x10-3(b)	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,576	0,64	0,768	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	**2808**	**3092**	**3304**	250 (hoặc 300)
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,67x10-3(b)	<0,67x10-3(b)	<0,67x10-3(b)	0,05
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	1
15.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	**1020**	**1060**	**1080**	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03(b)	<0,03(b)	<0,03(b)	0,1
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	**1763**	**1768**	**1776**	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO_3^- tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	1,04	1,04	1,04	2
20.	Hàm lượng Nitrit (NO_2^- tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,003(b)	<0,003(b)	<0,003(b)	0,05
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,1(a)	<0,1(a)	<0,1(a)	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	**395,8**	**395,8**	**395,7**	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,3x10-3(b)	<0,3x10-3(b)	<0,3x10-3(b)	0,001

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	**5700**	**5712**	**5720**	**1000**
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<1,6x10$^{-3(b)}$	<1,6x10$^{-3(b)}$	<1,6x10$^{-3(b)}$	**0,01**
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,02$^{(b)}$	<0,02$^{(b)}$	<0,02$^{(b)}$	**0,07**
27.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,002$^{(b)}$	<0,002$^{(b)}$	<0,002$^{(b)}$	**0,01**
28.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	<0,3$^{(a)}$	<0,3$^{(a)}$	<0,3$^{(a)}$	**1,5**

b) Chỉ tiêu vi sinh:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform$^{(*)}$	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<3**
2.	E.coli$^{(*)}$	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**
4.	P. aeruginosa$^{(*)}$	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	**<1**

Ghi chú: KPH - Không phát hiện
(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)
(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)
Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD $_{E.coli, Coliform}$: 01CFU /100ml

III. Nhận xét

1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:

- Có 22/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, các chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm hàm lượng: Độ đục, Clorua, Độ cứng, Natri, Sulphate, Tổng chất rắn hòa tan.

2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:

- Mẫu số 01, 02, 03: Có 4/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

IV. Kiến nghị

1. Cơ sở cấp nước xã Minh Tân – Công ty cổ phần Bitexco Nam Long:

- Qua kết quả kiểm nghiệm cho thấy tất cả các mẫu đều không đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT, cụ thể: Độ đục, Clorua, Độ cứng, Natri, Sulphate, Tổng chất rắn hòa tan.

- Tiến hành rà soát ngay hệ thống lắng, lọc tại cơ sở cấp nước, khắc phục ngay thông số Độ đục để đảm bảo chất lượng nước cấp đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Hàng ngày có kế hoạch lấy nước đầu vào (nước nguồn) để tránh hiện tượng xâm nhập mặn ảnh hưởng tới chất lượng nước thành phẩm, tiến tới có kế hoạch dự trữ nguồn nước nguyên liệu không để hiện tượng xâm nhập mặn ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước.

- Khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, gồm: Độ đục, Clorua, Độ cứng, Natri, Sulphate, Tổng chất rắn hòa tan và tiến hành xét nghiệm lại chỉ tiêu này (sau khi đã khắc phục) để đảm bảo chất lượng nước và thực hiện báo cáo kết quả khắc phục về cơ quan chức năng theo quy định.

- Đối với các chỉ tiêu có tính chất biến động (Hàm lượng Clo dư tự do, Độ đục...) đề nghị cơ sở cấp nước tiếp tục theo dõi chặt chẽ hàng ngày, thường xuyên kiểm soát chất lượng nước nguyên liệu để có kế hoạch điều chỉnh hóa chất xử lý phù hợp.

- Thực hiện xét nghiệm các chỉ tiêu nhóm B theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT và Quy chuẩn 01-1: 2018 của Bộ Y tế và Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 202/10/2023 của UBND tỉnh Thái Bình, khi có kết quả cần công khai theo quy định hiện hành.

- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Đề nghị các ngành chức năng và chính quyền địa phương:

- Giám sát việc cải thiện, khắc phục các chỉ số chưa đạt mà cơ quan chuyên môn đã nêu trên;

- Thường xuyên nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cơ sở cấp nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế;
- Sở Nông Nghiệp&PTNT;
- UBND huyện Kiến Xương;
- UBND xã Minh Tân;
- Công ty cổ phần Bitexco Nam Long;
- Cơ sở cấp nước xã Minh Tân;
- TT Y tế Kiến Xương;
- Lưu VT, SKMT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.THÁI BÌNH

Lê Thị Hồng Nhung